**Phụ lục I**

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**

**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

*(Kèm theo Nghị định số: 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KDVT:** ................ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: ............. /.............. | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***..........., ngày...... tháng..... năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**

**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

\_\_\_\_\_

Kính gửi: Sở GTVT............................

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:...........................................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):...........................................................................

3. Địa chỉ trụ sở:......................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:......... do.....................cấp ngày....... tháng.......năm..............; Mã số thuế:…………………

6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).

7. Người đại diện theo pháp luật:

8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe…(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).

9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

- ...................................................................................................................

- ...................................................................................................................

10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách doTổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng: …. (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:………………(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu . | **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**Phụ lục II**

**MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

*(Kèm theo Nghị định số: 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **GIẤY PHÉP** **KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**Số:......................Cấp lần thứ:............(Cấp lần đầu: Số…..ngày......tháng......năm.......nơi cấp………...)* Cấp cho đơn vị:…………………………................................................
* Địa chỉ:....................................................................................................
* Số điện thoại:...........................................................................................
* Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số ……...ngày…..tháng…..năm…..cơ quan cấp ………………………….
* Người đại diện theo pháp luật:…………………………………………..
* Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô:

- ......................................................................................................................- ......................................................................................................................- ...................................................................................................................... |
|  | *……., ngày….tháng…năm…***Cơ quan cấp phép****(Ký tên, đóng dấu)** |

 **Hướng dẫn:** Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng "GIẤY PHÉP” và dòng“KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ” in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 - 18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.

- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

**Phụ lục III**

**MẪU ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

*(Kèm theo Nghị định số: 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KDVT:** ............ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: .............. /.............. | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***..........., ngày...... tháng...... năm.....* |

**ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

**\_\_\_\_\_**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải……………….

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã KDVT:…………………………………………………

2. Địa chỉ:…………………………………………………………………………………

3. Số điện thoại (Fax):…………………………………………………………………….

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:.......... do …*(tên cơ quan cấp)*...............

 cấp ngày ........./...../..........

5. Đăng ký..........(1)..................tuyến: Mã số tuyến: ……………………………………

Nơi đi:...........................................Nơi đến:....................................................................(2)

Bến xe đi:..................................... Bến xe đến:...............................................................(3)

Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: …….. giờ.... phút, vào các ngày........................................

Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:…….giờ.... phút, vào các ngày.........................................

Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:……………………………………………………..

Cự ly vận chuyển: .................km.

Hành trình chạy xe:............................................................................................................

6. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (được gửi kèm).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu . | **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT***(Ký tên, đóng dấu)* |  |  |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

(2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến. Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

(3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP, HTX**...... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***..........., ngày...... tháng...... năm.....* |

**PHƯƠNG ÁN**

**KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ**

 *\_\_\_\_\_\_*

**I. Đặc điểm tuyến:**

Mã số tuyến:.......................................................................................................

Tên tuyến:..................................đi................................................. và ngược lại.

Bến đi:...........................; Bến đến:......................................................................

Cự ly vận chuyển:.........................km.

Hành trình:..........................................................................................................

**II. Biểu đồ chạy xe:**

1. Số chuyến (nốt (tài))..................trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

***a) Chiều đi: xuất bến tại:***………………………………………………………

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc ……. giờ.....phút, vào các ngày..................................

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc ……. giờ.....phút, vào các ngày...................................

- ……………………………………………………………………….……….

***b) Chiều về: xuất bến tại:***………………………………………………………

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc ……. giờ.... phút, vào các ngày..................................

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc ……. giờ.....phút, vào các ngày..................................

- ………………………………………………………………………………..

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe .....giờ.....phút.

4. Tốc độ lữ hành:……………km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

***a) Chiều đi: xuất bến tại:***…………………………………………….……….

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:……………………………………………..……..

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến  | Thời gian dừng (phút)  |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:……………………………………………………..

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến  | Thời gian dừng (phút)  |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

***b) Chiều về: xuất bến tại:***……………………………………………………..

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:…………………………………………………….

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến  | Thời gian dừng (phút)  |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:………………………………………………..…..

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến  | Thời gian dừng (phút)  |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

**III. Đoàn phương tiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nhãn hiệu xe | Năm sản xuất | Sức chứa | Tiêu chuẩn khí thải | Số lượng (chiếc) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |

**IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nốt (tài) | Số lượng lái xe | Số lượng nhân viên phục vụ | Ghi chú |
| 1 | Nốt (tài) 1 |  |  |  |
| 2 | Nốt (tài) 2 |  |  |  |
|  | .... |  |  |  |

**V. Giá vé và cước hành lý:**

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:................... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

 - Chặng 1 (từ .....đến.......): ........................đồng/HK.

 - Chặng 2 (từ.....đến .......):.........................đồng/HK.

 - Chặng....................................................................................................

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.........................................kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:........................đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:...............................................................................

b) Bán vé tại đại lý:........................ (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).........

c) Bán vé qua mạng:.............. (địa chỉ trang web).

**VI. Xe trung chuyển (nếu có):**

- Loại xe:…………….., sức chứa:…………, năm sản xuất……….………

- Số lượng xe:……………………………………………………….………

**VII. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:**

1. Đạt chất lượng dịch vụ loại……(sao) theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ….. (sao) của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

2. Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:……………………….

3. Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị: .......................................................

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP, HTX***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục IV**

**MẪU THÔNG BÁO ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG**

*(Kèm theo Nghị định số: 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**......Số:............ /............. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
|  | *..........., ngày ...... tháng ...... năm .....* |

**THÔNG BÁO**

**ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Kính gửi:.....(*Tên doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công*) ........

Căn cứ nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Sở Giao thông vận tải thông báo về việc đăng ký khai thác tuyến vận tải khách cố định thành công với các nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã KDVT:…………………….................................................

2. Địa chỉ:.................................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):..............................................................................................................

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:............ ngày......../...../.........

do ……………(tên cơ quan cấp) ............ cấp.

Được tham gia khai thác tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh (hoặc nội tỉnh) kể từ ngày.... tháng.... năm.......

- Tên tuyến: Nơi đi:...................................... Nơi đến:................................... và ngược lại (1).

- Bến xe đi:................................. Bến xe đến:........................................................................

- Mã số tuyến:...............................................................

- Cự ly vận chuyển:..................km; Hành trình chạy xe:.........................................................

 Giờ xe xuất bến:

+ Tại bến xe đi:.…….. giờ…... phút, vào các ngày.................................................................

.................................................................................................................................................

+ Tại bến xe đến:…….giờ.........phút, vào các ngày................................................................

.................................................................................................................................................

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày thông báo........(*Tên doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công*) ......... có trách nhiệm đưa xe vào khai thác. Trường hợp sau 60 ngày kể từ ngày thông báo, nếu ........(*Tên doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công*) .......không thực hiện đưa xe vào khai thác thì Thông báo này không còn hiệu lực.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như trên;- Tổng cục ĐBVN;- Sở GTVT...;- Các Bến xe...;- Lưu:…. | **GIÁM ĐỐC***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:** (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

**Phụ lục V**

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

*(Kèm theo Nghị định số: 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KDVT:** ............... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số:.............. /..............  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

 *.........., ngày..... tháng..... năm.....*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị KDVT:.........................................................................................................

2. Địa chỉ:...........................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):........................................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp......................................................................................................................…...........

 Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại:………………………………..………..…

 Đề nghị được cấp: (1).............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Loại phù hiệu (Tuyến CĐ, HĐ, DL, taxi, xe tải…) | (\*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| .. |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(\*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

**Ghi chú:** Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.